

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bàn Đức Hiếu

Bà Trần Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Trần Thị Th có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/4/2010, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính

tình không hợp nhau, anh D thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè, đã không quan tâm đến gia đình lại còn hay đánh chửi vợ con. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên hai vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Tiến D đã hết, mâu thuẫn luôn căng thẳng, trầm trọng nên không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2013. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu vẫn sống cùng chị, hơn nữa cháu là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, do đó khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Tiến D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Nguyễn Tiến D không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và người thân thích của bị đơn anh Nguyễn Tiến D, nội dung thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị Th, anh D về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh D tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì giữa vợ chồng chị Th và anh D phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, mắng chửi nhau do bất đồng về quan điểm sống. Sau đó anh D bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do đó tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh D không còn tồn tại trên thực tế, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị Th và anh D theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh D biết về việc chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D và Tòa án triệu tập anh D đến làm việc, tuy nhiên anh D báo lại là đang đi làm ăn xa không về, nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết anh D đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2013. Hiện tại cháu L đang sống cùng mẹ và ông bà nội tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Nguyễn Tiến D không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Sau khi kết hôn chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Tiến D về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh D tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại cả hai vợ chồng vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Mặc dù anh D đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình và có biết việc chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Th thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Tiến D chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Th:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2013 cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua lời khai của nguyên đơn và qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị Th, anh D không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tiến D, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Tiến D chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Trần Thị Th đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Tiến D. Anh D đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh D hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh D đã biết được việc chị Th khởi kiện xin ly hôn với anh D, nhưng anh D không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh D đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau từ năm 2010, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay lừa dối phải kết hôn, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 28/4/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2017 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Sau đó anh D bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà và sống ly thân với chị Th từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh D đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Tiến D có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2013. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu L vẫn sống cùng chị Th. Quá trình giải quyết vụ án chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Diệu L và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Ngoài ra, cháu Nguyễn Diệu L cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Nguyễn Diệu L cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến D không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Tiến D không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Trần Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Tiến D không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diệu L, sinh ngày 01/9/2013 cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tiến D không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0004547, ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Tiến D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2010, ngày 28/4/2010);
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San